

Số: 532/BC-SGD&ĐT

Bến Tre, ngày 18 tháng 3 năm 2014

BÁO CÁO

**Công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp năm 2013
và phương hướng, nhiệm vụ công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng,
trung cấp chuyên nghiệp năm 2014**

PHẦN MỘT

TỔNG KẾT CÔNG TÁC TUYỂN SINH NĂM 2013

Năm 2013, toàn tỉnh có 41 đơn vị đăng ký dự thi (ĐKDT) làm nhiệm vụ triển khai thực hiện công tác tuyển sinh (9 Phòng Giáo dục và Đào tạo, 31 trường THPT, 01 đơn vị tại Sở) với 20.412 lượt thí sinh đăng ký dự thi đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ). Công tác tuyển sinh năm 2013 đạt những kết quả như sau:

I. Những kết quả đạt được

1. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT)

- Chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn công tác tuyển sinh khoa học, chặt chẽ; cung cấp đầy đủ các loại tài liệu, thông tin cần thiết để các đơn vị căn cứ triển khai thực hiện dễ dàng, thuận lợi; mẫu hồ sơ ĐKDT được cung cấp đầy đủ, đáp ứng nhu cầu của thí sinh.

- Tổ chức thu nhận hồ sơ từ các đơn vị nộp về, kiểm tra, sắp xếp theo quy trình chặt chẽ, có các biện pháp kiểm tra để phát hiện những sai sót của thí sinh, phối hợp với các đơn vị ĐKDT xử lý kịp thời những sai sót (nếu có) trước khi bàn giao cho các trường ĐH, CĐ.

- Nhập, xử lý hồ sơ, truyền dữ liệu và bàn giao hồ sơ ĐKDT về cho các trường ĐH, CĐ đúng quy trình, quy định và đúng thời gian.

- Lập các biểu mẫu thống kê giúp các đơn vị thuận tiện trong việc theo dõi, quản lý và cấp phát giấy báo dự thi, giấy chứng nhận kết quả thi, giấy báo nhập học cho thí sinh kịp thời, không thất lạc.

- Phối hợp với Báo Giáo dục TP.Hồ Chí Minh tổ chức 02 đợt tư vấn tuyển sinh ĐH, CĐ và TCCN tại Trường THPT Lê Anh Xuân (khoảng 700 học sinh 02 trường THPT Lê Anh Xuân và THPT Ngô Văn Cấn) và Trường THPT Phan Thanh Giản (khoảng 800 học sinh 04 trường THPT: Phan Thanh Giản, Tân Kế, Sương Nguyệt Anh, Phan Ngọc Tông giúp học sinh trong việc chọn trường thi, khối thi, ngành thi, làm thủ tục hồ sơ dự thi và giải đáp nhiều thắc mắc của học sinh; phối hợp với Hội Nông dân tỉnh tổ chức cho 09 đơn vị trường phổ

thông đưa 382 học sinh tham gia Ngày hội tư vấn tuyển sinh do Báo Nông thôn ngày nay tổ chức tại Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM.

- Quyết định khen thưởng cho 10 tập thể và 10 cá nhân hoàn thành tốt công tác tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2013.

- Thanh tra công tác tuyển sinh các trường CĐ, TCCN trong tỉnh.

- Phối hợp với các nhà tài trợ trao một số suất học bổng cho học sinh trúng tuyển vào các trường ĐH, CĐ có hoàn cảnh gia đình khó khăn để giúp các em trang trải một phần chi phí học tập.

2. Đối với các trường THPT, các Phòng GD&ĐT

- Lãnh đạo các trường THPT, các Phòng GD&ĐT quan tâm nhiều hơn trong chỉ đạo triển khai thực hiện công tác tuyển sinh tại các đơn vị. Đội ngũ cán bộ làm công tác tuyển sinh ở các đơn vị hầu hết được bố trí ổn định, tích lũy nhiều kinh nghiệm và có tinh thần trách nhiệm cao.

- Các trường THPT, các Phòng GD&ĐT phối hợp chặt chẽ với Sở GD&ĐT thực hiện tốt các mặt công tác sau:

+ Xác định đúng nhu cầu và cung cấp đầy đủ, kịp thời cho học sinh các tài liệu về tuyển sinh và hồ sơ ĐKDT.

+ Thực hiện tốt việc triển khai hướng dẫn học sinh lập hồ sơ ĐKDT.

+ Thu nhận và giao hồ sơ ĐKDT, lệ phí tuyển sinh về Sở GD&ĐT đầy đủ, đúng thời gian quy định.

+ Cấp phiếu báo dự thi, giấy chứng nhận kết quả, giấy báo trúng tuyển cho thí sinh kịp thời, đầy đủ.

- Các trường hợp sai sót của học sinh khi khai hồ sơ đã giám đáng kể; Các đơn vị bảo quản tốt hồ sơ ĐKDT của học sinh.

3. Đối với trường CĐ, TCCN trong tỉnh

- Tất cả các trường đều thực hiện tuyển sinh theo hình thức xét tuyển (trừ các ngành có thi năng khiếu như các ngành nghệ thuật), công tác tuyển sinh được thực hiện gọn nhẹ, ít tốn kém, tất cả các khâu trong công tác tuyển sinh được thực hiện an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế.

- Các trường tổ chức xét tuyển nhiều đợt, tuyển sinh đủ cả 3 đối tượng: học sinh tốt nghiệp THPT, học sinh trượt tốt nghiệp THPT và học sinh tốt nghiệp THCS. (Riêng Trường Trung cấp Y Tế chỉ xét tuyển học sinh tốt nghiệp THPT). Trường Cao đẳng Bến Tre phối hợp với Trung tâm Giáo dục thường xuyên mở 1 lớp TCCN, với số lượng 30 học sinh, chuyên ngành Điện công nghiệp và dân dụng góp phần thực hiện việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.

Kết quả tuyển sinh CĐ, TCCN của các trường (theo phụ lục đính kèm).

4. Quan hệ giữa các trường ĐH, CĐ, TCCN, các trường THPT và Sở GD&ĐT

Có sự phối hợp tốt giữa Sở GD&ĐT, các trường THPT và các trường ĐH, CĐ, TCCN trong công tác tuyển sinh. Các trường THPT đã tạo điều kiện thuận

lợi để các trường ĐH, CĐ, TCCN đến tư vấn, giới thiệu các ngành nghề, giúp học sinh hiểu rõ hơn những thông tin của các trường, từ đó học sinh có thể chọn được ngành nghề phù hợp với sở thích, năng lực và khả năng tài chính của mình.

5. Kết quả công tác tuyển sinh của Bến Tre (đính kèm biểu mẫu).

Thí sinh trúng tuyển sinh Đại học, Cao đẳng: 5.297

- Đại học: 3.214 (so năm 2012 tăng 822)

- Cao đẳng: 2.083 (so năm 2012 giảm 959)

Thí sinh trúng tuyển TCCN ở các trường trong tỉnh: 844/1.335 chỉ tiêu (đạt 63,22 %), so năm 2012 giảm 94.

Số học sinh tốt nghiệp THCS trúng tuyển vào các trường TCCN, trung cấp nghề trong tỉnh: 535, so năm 2012 tăng 44.

II. Những khó khăn, hạn chế

- Còn có đơn vị nhận hồ sơ của thí sinh có hộ khẩu ngoài tỉnh, một số đơn vị còn chậm trễ trong việc phát giấy báo học cho học sinh (phát theo địa chỉ trường).

- Một số trường ĐH, CĐ nhất là các trường có đào tạo hệ trung cấp, không gửi phiếu điểm, gây khó khăn cho học sinh trong việc đăng ký các nguyện vọng bổ sung. Một số trường ĐH, CĐ có tổ chức thi, chưa gửi kết quả thi cho các trường không tổ chức thi kịp thời gây khó khăn và làm ảnh hưởng đến học sinh đủ điểm chuẩn vào trường có nguyện vọng 1 (trường không tổ chức thi).

- Học sinh tốt nghiệp THCS vào trường TCCN còn ít.

- Trường Cao đẳng Bến Tre và Trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật Bến Tre tuyển sinh vào TCCN chưa đạt số lượng so với chỉ tiêu được giao (CĐ Bến Tre: 26,85%, Văn hóa - Nghệ thuật: 21,17%).

PHẦN HAI

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TUYỂN SINH NĂM 2014

1. Phương hướng chung, nhiệm vụ chung:

1. Về tuyển sinh ĐH, CĐ

Kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy năm 2014 thực hiện theo các văn bản như sau:

Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05/3/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT); Thông tư số 24/2012/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2012 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 5 tháng 3 năm 2012 và Thông tư số 03/2013/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 02 năm 2013; Thông tư số 21/2013/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2013; Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 7 năm 2013; Thông tư số 28/2013/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 7 năm 2013;

Thông tư 06/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 24/2012/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2012, Thông tư số 03/2013/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 2 năm 2013, Thông tư số 21/2013/TT-GDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2013, Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 7 năm 2013 và Thông tư số 28/2013/TT-GDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 1260/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phương hướng, nhiệm vụ công tác tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2014.

1.1 Một số điểm mới trong kỳ thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính năm 2014.

1.1.1. Tổ chức tuyển sinh:

Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy được xác định, các trường tổ chức một đến hai lần tuyển sinh trong năm. Các trường tổ chức tuyển sinh theo kỳ thi chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) thực hiện lịch tuyển sinh quy định tại công văn số 1260/BGDĐT-KTKĐCLGD; các trường tổ chức tuyển sinh riêng thực hiện lịch tuyển sinh quy định trong đề án tự chủ tuyển sinh của trường.

- Thời gian kết thúc tuyển sinh là ngày 31/10/2014 đối với trường đại học và ngày 15/11/2014 đối với trường cao đẳng.

a) Tổ chức tuyển sinh riêng

- Các trường xây dựng Đề án tự chủ tuyển sinh đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy và được Bộ GD&ĐT xác nhận bằng văn bản;

- Hình thức, nội dung tuyển sinh phải phù hợp với ngành đào tạo của nhà trường và chương trình giáo dục phổ thông; không gây phức tạp cho xã hội và tốn kém cho thí sinh;

- Các tiêu chí đảm bảo chất lượng nguồn tuyển rõ ràng.

- Phương thức tuyển sinh gồm: thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

- Các trường tổ chức tuyển sinh theo đúng các quy định của đề án tự chủ tuyển sinh và Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy do Bộ GD&ĐT ban hành.

b) Tổ chức kì thi chung

- Bộ GD&ĐT tổ chức biên soạn đề thi tuyển sinh dùng chung cho các trường;

- Các đại học, học viện, các trường đại học, cao đẳng chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi; chấm thi và phúc khảo; xét tuyển và triệu tập thí sinh trúng tuyển.

1.1.2. Sửa đổi, bổ sung một số chính sách ưu tiên trong tuyển sinh

1.1.2.1. Chính sách ưu tiên theo đối tượng

a) Đối tượng 01 được sửa như sau: Thí sinh là người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú tại các thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015 được quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013 - 2015, hưởng nhóm ưu tiên 1, phù hợp với Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục, quy định đối tượng ưu tiên trong tuyển sinh.

Thí sinh là người dân tộc thiểu số ở các khu vực còn lại hưởng ưu tiên 2.

b) Sửa đổi đối tượng: “Quân nhân, công an nhân dân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, đã xuất ngũ có thời gian phục vụ từ 18 tháng trở lên” thành: “Quân nhân, công an nhân dân đã xuất ngũ, được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo luật định”, thuộc nhóm ưu tiên 1.

c) Bổ sung đối tượng: con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên, hưởng ưu tiên 1.

d) Sửa đổi đối tượng “Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là người được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học” thuộc đối tượng 04, nhóm ưu tiên 1 thành: “Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng”;

đ) Bổ sung đối tượng thí sinh là: Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn; Thôn đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân tự vệ nông cốt, Dân quân tự vệ đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ nông cốt từ 12 tháng trở lên, dự thi vào ngành Quân sự cơ sở, các trường thuộc Bộ Quốc phòng, hưởng nhóm ưu tiên 2.

g) Bổ sung đối tượng thí sinh là “Người khuyết tật nặng” khi dự thi vào đại học, cao đẳng được hưởng nhóm ưu tiên 2.

h) Bổ sung đối tượng “Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%,” thuộc nhóm hưởng ưu tiên 2.

i) Điều chỉnh các đối tượng “Thí sinh là con của người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; con của người có công giúp đỡ cách mạng” sang hưởng nhóm ưu tiên 2.

1.1.2.2. Khu vực ưu tiên

a) Điều chỉnh khu vực ưu tiên

“- Khu vực 1 (KV1) gồm:

Các thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015 và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013 - 2015 theo quy định hiện hành.

- Khu vực 2 (KV2) gồm:

Các thành phố trực thuộc tỉnh; các thị xã; các huyện ngoại thành của thành phố trực thuộc trung ương (trừ các xã thuộc KV1).

b) Bổ sung những trường hợp sau đây được hưởng ưu tiên theo hộ khẩu thường trú:

Học sinh có hộ khẩu thường trú tại các thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015 được quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013 - 2015 nếu học trung học tại địa điểm thuộc huyện, thị xã có các xã trên.

Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh cho các đối tượng tham gia tuyển sinh riêng hoặc tham gia kì thi chung, thực hiện theo quy định Quy chế tuyển sinh hiện hành.

1.1.2.3. Bổ sung đối tượng được xét tuyển thẳng vào đại học, cao đẳng

Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Hội thi khoa học kỹ thuật do Bộ GD&ĐT tổ chức, đã tốt nghiệp trung học phổ thông được tuyển thẳng vào đại học theo đúng ngành hoặc ngành gần của môn mà thí sinh đã đoạt giải; đoạt giải khuyến khích được tuyển thẳng vào cao đẳng theo đúng ngành hoặc ngành gần của môn thí sinh đoạt giải.

1.1.3. Quy định về xây dựng điểm trúng tuyển

Sau khi có kết quả thi của thí sinh tham gia kì thi chung, Bộ GD&ĐT xác định tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào, các trường căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh đã xác định, quyết định phương án điểm trúng tuyển.

2. Về tuyển sinh TCCN năm 2014

Về cơ bản, công tác tuyển sinh TCCN năm 2014 được thực hiện như năm 2013. Thí sinh có nguyện vọng đăng ký dự tuyển vào TCCN sẽ nộp hồ sơ và lệ phí đăng ký dự tuyển về trường đăng ký dự tuyển (qua đường bưu điện chuyển phát nhanh hoặc dịch vụ chuyển phát ưu tiên hoặc nộp trực tiếp tại trường).

II. Nhiệm vụ công tác tuyển sinh trên địa bàn tỉnh

1. Đối với Sở GD&ĐT

- Triển khai các quy chế, quy định và hướng dẫn nghiệp vụ cho lãnh đạo, cán bộ làm công tác tuyển sinh ở các đơn vị. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến những chủ trương, chính sách, các quy định và những thông tin cần thiết về tuyển sinh cho học sinh và các bậc phụ huynh.

- Cung cấp đầy đủ mẫu hồ sơ ĐKDT cho thí sinh.

- Tổ chức thu nhận hồ sơ và lệ phí ĐKDT từ các đơn vị dự thi, thí sinh tự do; nhập dữ liệu tuyển sinh. Có biện pháp phát hiện và xử lý kịp thời những sai sót của thí sinh và các đơn vị làm công tác tuyển sinh. Tổ chức bàn giao hồ sơ, lệ phí ĐKDT và truyền dữ liệu tuyển sinh cho các trường ĐH, CĐ, Cục khảo thí Kiểm định chất lượng; nhận, cấp phát giấy báo thi, giấy chứng nhận kết quả thi, giấy báo điểm, giấy triệu tập trúng tuyển...

- Phối hợp chặt chẽ với các trường ĐH, CĐ, TCCN giải quyết tất cả các khâu về công tác tuyển sinh trong mối liên hệ giữa các trường và địa phương.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra tất cả các khâu trong kỳ thi tuyển sinh của các trường CĐ, TCCN trong tỉnh theo thẩm quyền.

2. Đối với các trường THPT và các Phòng GD&ĐT

- Tổ chức phổ biến đầy đủ các thông tin về tuyển sinh một cách rộng rãi, giúp cho học sinh nắm vững và thực hiện đúng các quy định. Các phòng GD&ĐT phổ biến thông tin về các trường TCCN có tuyển sinh hệ THCS đến các trường THCS để học sinh đang học lớp 9 tại các trường tham gia đăng ký xét tuyển vào TCCN, góp phần thực hiện chủ trương phân luồng học sinh sau THCS (nhất là các học sinh không đủ năng lực theo học tốt chương trình THPT).

- Phối hợp với Sở GD&ĐT cung cấp mẫu hồ sơ ĐKDT cho thí sinh.

- Tổ chức hướng dẫn thí sinh chọn trường thi, ngành thi, lập hồ sơ ĐKDT; thu nhận hồ sơ và lệ phí tuyển sinh ĐH, CĐ của thí sinh bàn giao về Sở GD&ĐT theo đúng thời gian quy định. Trước khi nộp hồ sơ về Sở GD&ĐT, các đơn vị phải xử lý, sắp xếp hồ sơ, tuân thủ chặt chẽ theo các quy trình đã được hướng dẫn.

- Phối hợp với Sở GD&ĐT nhận và chuyển giao giấy báo dự thi, giấy chứng nhận kết quả tuyển sinh, giấy báo điểm, giấy báo trúng tuyển ĐH, CĐ cho thí sinh theo đúng lịch tuyển sinh.

- Phối hợp với ngành Công An và Quân sự tuyên truyền và hướng dẫn thí sinh lập hồ sơ đăng ký dự thi vào các trường Công an, Quân sự theo yêu cầu riêng của ngành Công an và Quân sự.

- Các đơn vị cử cán bộ làm công tác tuyển sinh trong suốt quá trình tuyển sinh, cán bộ phụ trách tuyển sinh phải thường trực trong những thời điểm cần thiết theo “Lịch công tác tuyển sinh năm 2014” để kịp thời giải quyết công việc.

Năm 2014, các trường THPT và các Phòng GD&ĐT không làm nhiệm vụ nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển vào các trường TCCN.

3. Đối với các trường CĐ, TCCN

- Thực hiện hình thức xét tuyển để tuyển sinh (trừ các ngành đào tạo năng khiếu), tổ chức nghiên cứu và triển khai thực hiện công tác tuyển sinh CĐ, TCCN đảm bảo an toàn, nghiêm túc, đúng theo Quy chế tuyển sinh và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

- Xây dựng Kế hoạch tuyển sinh và gửi về Sở GD&ĐT trước khi thực hiện ít nhất 2 tuần để Sở GD&ĐT có kế hoạch tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra theo thẩm quyền.

Quá trình thực hiện có gì vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở GD&ĐT để có phương án giải quyết kịp thời.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (để báo cáo);
- GD và các phó GD Sở GD&ĐT (để b/c);
- PGD&ĐT các huyện, TP (để t/h);
- Các trường CĐSP, TCCN, THPT (để t/h);
- Lưu: VT, GDCN.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH BẾN TRÁI
Nguyễn Thị Bé Mười



**THỐNG KÊ HỆ CAO ĐẲNG, TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP,
CAO ĐẲNG NGHỀ, TRUNG CẤP NGHỀ NĂM 2013**

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHỈ TIÊU	TRÚNG TUYỂN			Số TS trúng tuyển theo từng ngành	Số TS trúng tuyển đã nhập học theo từng ngành	Tỉ lệ TS so với chỉ tiêu (%)
			THPT (PT)	CHƯA TN THPT (PC)	THCS (CS)			
Trường Cao đẳng Bến Tre								
Hệ cao đẳng								
1	Tiếng Anh	100	135			135	88	88,00
2	Tin học ứng dụng	100	32			32	22	22,00
3	Công nghệ kỹ thuật Điện- Điện tử	60	80			80	48	80,00
4	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng	55	38			38	23	41,82
5	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	55	30			30	20	36,36
6	Kế toán	100	90			90	54	54,00
7	Quản trị Kinh doanh	100	35			35	14	14,00
8	Công nghệ Chế biến thủy sản	55	61			61	32	58,18
9	Nuôi trồng thủy sản	55	0			0	0	0,00
10	Việt Nam học	55	0			0	0	0,00
11	Tài chính - Ngân hàng	100	0			0	0	0,00
	Tổng	835	501			501	301	36,05
Hệ trung cấp								
1	Điện dân dụng và công nghiệp	100	24	6	44	74	69	69,00
2	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	40	19	0	4	23	4	10,00
3	Bảo trì và sửa chữa ô tô	40	6	3	2	11	2	5,00
4	Điện tử công nghiệp và dân dụng	50	12	2	0	14	0	0,00
5	Kế toán doanh nghiệp	100	64	3	8	75	62	62,00
6	Kế toán hành chính sự nghiệp	50	15	2	1	18	0	0,00
7	Tài chính Ngân hàng (chuyên ngành QL ngân sách)	50	7	3		10	0	0
8	Tài chính Ngân hàng (chuyên ngành Thuế)	50	14	1		15	0	0
9	Bảo hiểm	40	3	1		4	0	0,00
10	Chăn nuôi thú y	100	53	4	23	80	51	51,00
11	Nuôi trồng thủy sản	40	8	2	2	12	0	0,00
12	Công nghệ kỹ thuật Chế biến và bảo quản thủy sản	40	15	2	2	18	0	0
	Tổng	700	240	29	86	354	188	26,86
Trường TC Y tế Bến Tre								
1	Điều dưỡng	190				557	200	105,26
2	Hộ sinh	60				149	51	85,00
3	Dược	100				320	94	94,00
4	Y sĩ dự phòng	100				285	132	132,00
5	Y sĩ cô truyền	100				358	161	161,00
	Tổng	550				1669	638	116,00

TT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHỈ TIÊU	TRÚNG TUYỂN			Số TS trúng tuyển theo từng ngành	Số TS trúng tuyển đã nhập học theo từng ngành	Tỉ lệ TS so với chỉ tiêu (%)
			THPT (PT)	CHƯA TN THPT (PC)	THCS (CS)			
Trường TC Văn hóa Nghệ thuật Bến Tre								
1	Thanh nhạc	10	8	0	1	9	9	90,00
2	Quản lý Văn hóa	25	18	0	2	20	6	24,00
3	Hội họa	10	4	0	0	4	3	30,00
4	Hướng dẫn du lịch	30	5	0	0	5	0	0,00
5	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian và dân tộc	10	0	0	0	0	0	0,00
	Tổng	85	35	0	3	38	18	21,18
Trường Cao đẳng nghề Đồng Khởi								
1	TCN Điện công nghiệp	50	0	0	34	34	34	68,00
2	TCN Điều hòa không khí	20	0	0	26	26	26	130,00
3	TCN Ô tô	50	0	0	50	50	50	100,00
4	TCN Cắt gọt kim loại	40	0	14	50	64	64	160,00
5	TCN Quản trị mạng	20	0	0	14	14	14	70,00
6	TCN May thời trang	20	0	0	31	31	31	155,00
	Tổng	200	0	14	205	219	219	109,50
1	CĐN Ô tô	60	40	0	0	40	40	66,67
2	CĐN Cắt gọt kim loại	60	56	0	0	56	56	93,33
3	CĐN Điện công nghiệp	60	47	0	0	47	47	78,33
4	CĐN Điều hòa không khí	30	16	0	0	16	16	53,33
5	CĐN Điện tử công nghiệp	15	17	0	0	17	17	113,33
6	CĐN Quản trị mạng	40	24	0	0	24	24	60,00
7	CĐN May thời trang	20	19	0	0	19	19	95,00
8	CĐN Quản trị khách sạn	20	30	0	0	30	30	150,00
	Tổng	305	249	0	0	249	249	81,64
Trường TC Nghề Bến Tre								
1	Học văn hóa	174						
2	Kế toán doanh nghiệp		3		19	22	13	
3	Kỹ thuật máy tính		6		28	34	20	
4	Công nghệ ô tô		2	1	53	56	48	
5	Kỹ thuật xây dựng		5		24	29	19	
6	Cắt gọt kim loại		8	1	25	34	22	
7	kỹ thuật máy lạnh và điện lạnh		2	1	25	28	21	
8	Điện công nghiệp		2	1	41	44	31	
9	Tin học văn phòng		3	1	26	30	19	
	Tổng		31	5	241	277	193	

**THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG THÍ SINH CỦA TỈNH BẾN TRE
VÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2013**
(Nguồn số liệu từ Cục khảo thí kiểm định chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên trường	Ký hiệu trường	Đại học	Cao đẳng, Cao đẳng trong Đại học	Tổng
1	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	BVH&BVS	20	5	25
2	Đại học Bình Dương	DBD	18	1	19
3	Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu	DBV	4	1	5
4	Đại học Công nghệ Đồng Nai	DCD	6	1	7
5	Đại học CNTT Gia Định	DCG	2	2	4
6	Đại học Cửu Long	DCL	45	5	50
7	Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP.HCM	DCT	93	55	148
8	Đại học Đại Nam	DDN	1	11	12
9	Đại học Quốc Tế Hồng Bàng	DHB	53		53
10	Đại học Kinh tế- Kỹ thuật Bình Dương	DKB	2	2	4
11	Đại học Công nghệ TP.HCM	DKC	74	50	124
12	Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An	DLA	9	1	10
13	Đại học Lạc Hồng	DLH	15		15
14	Đại học Lao động - Xã hội	DLX; DLT; DLS	40	6	46
15	Đại học Tài chính - Marketing	DMS	68		68
16	Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM	DNT	12		12
17	Đại học DL Phương Đông	DPD	1		1
18	Đại học Sân khấu - Điện ảnh TP. HCM	DSD	3	3	6
19	Đại học Công nghệ Sài Gòn	DSG	7		7
20	Đại học Tây Đô	DTD	43	7	50
21	Đại học Hoa Sen	DTH	28	6	34
22	Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM	DTM	70	75	145
23	Đại học Tôn Đức Thắng	DTT	114	15	129
24	Đại học Văn Hiến	DVH	25	3	28
25	Đại học Văn Lang	DVL	53		53
26	Đại học Trà Vinh	DVT	67	34	101
27	Đại Học Quốc Tế Miền Đông	EIU	3		3
28	Đại học FPT	FPT	2		2
29	Đại học Giao thông Vận tải	GHA+GSA	26	6	32
30	Đại học GTVT TP HCM	GTS	35		35
31	Học viện Hành chính	HCH & HCS	32		32
32	Đại học Kỹ thuật - Hậu cần CAND (phía Nam)	HCN	1		1
33	Học Viện Hàng Không Việt Nam	HHK	8	2	10
34	Học viện Ngoại giao	HQT	1		1
35	Đại học Công Nghiệp TP.HCM	HUI	170	61	231
36	Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	KCC	6		6
37	Học viện Kỹ thuật Mật mã	KMA	1		1

TT	Tên trường	Ký hiệu trường	Đại học	Cao đẳng, Cao đẳng trong Đại học	Tổng
38	Đại học Kinh tế TP.HCM	KSA	57		57
39	Đại học Kiến trúc TP.HCM	KTS	35		35
40	Đại học Luật TP.HCM	LPS	24		24
41	Đại học Mở TP.HCM	MBS	42		42
42	Đại học Mỏ - Địa chất	MDA	1		1
43	Đại học Mỹ thuật TP.HCM	MTS	4	1	5
44	Đại học XD Miền Tây	MTU	49	16	65
45	Đại học Ngân hàng TP.HCM	NHS	7		7
46	Đại học Nông Lâm TP. HCM	NLS	168	17	185
47	Đại học Ngoại thương * Cơ sở 2 tại TP.HCM	NTS	18		18
48	Đại học Nguyễn Tất Thành	NTT	39	108	147
49	Nhạc viện TP.HCM	NVS	4		4
50	Đại học Quốc gia TP.HCM	QS	342		342
51	Đại học Sài Gòn	SGD	96	38	134
52	Đại học SPKT Hưng Yên	SKH	1		1
53	Đại học Đồng Tháp	SPD	236	161	397
54	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM	SPK	115	9	124
55	Đại học Sư phạm TP. HCM	SPS	83		83
56	Đại học Sư phạm TĐTT TP.HCM	STS	14	7	21
57	Đại học Cần Thơ	TCT	243	3	246
58	Đại học Đà Lạt	TDL	3		3
59	Đại học Thủ Dầu Một	TDM	14	8	22
60	Đại học Thủy lợi	TLA + TLS	1		1
61	Đại học Tiền Giang	TTG	223	223	446
62	Đại học Tân Tạo	TTU	1		1
63	Đại học Văn hóa TP. HCM	VHS	35	7	42
64	Đại học Võ Trường Toản	VTT	40	3	43
65	Đại học Y Dược Cần Thơ	YCT	124		124
66	Đại học Y dược TP.HCM	YDS	35		35
67	Học viện Quân y (Quân sự)	YQH	2		2
68	Đại học Cảnh sát nhân dân	CSS		17	17
69	Đại học An Giang	TAG		1	1
70	Cao đẳng Cần Thơ	C55		11	11
71	Cao đẳng Bến Tre	C56		301	301
72	Cao đẳng bán công Công nghệ và Quản trị doanh nghiệp	CBC		39	39
73	Cao đẳng CN&KT Bảo Lộc	CBL		1	1
74	Cao đẳng Bách Việt	CBV		45	45
75	Cao đẳng Y tế Bình Dương	CBY		2	2
76	cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	CCO		33	33
77	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Vinatex TP.HCM	CCS		51	51
78	Cao Đẳng CNTT Tp. HCM	CDC		16	16
79	Cao đẳng Điện lực TP.HCM	CDE		12	12

TT	Tên trường	Ký hiệu trường	Đại học	Cao đẳng, Cao đẳng trong Đại học	Tổng
80	Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai	CDN		1	1
81	Cao đẳng Sonadezi	CDS		1	1
82	Cao Đẳng Viễn Đông	CDV		42	42
83	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	CEC		12	12
84	Cao đẳng Kinh tế TP.HCM	CEP		29	29
85	Cao đẳng Công Thương TP.HCM	CES		104	104
86	Cao đẳng Kinh tế - Công nghệ TP.HCM	CET		33	33
87	Cao đẳng Giao thông vận tải TP.HCM	CGT		20	20
88	Cao đẳng SPKT Vĩnh Long	CK4		16	16
89	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	CKC		6	6
90	Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại	CKD		48	48
91	Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Miền Nam	CKM		40	40
92	Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng TP.HCM	CKP		50	50
93	Cao đẳng Kinh tế - Tài chính Vĩnh Long	CKV		3	3
94	Cao đẳng sư phạm Trung ương TP.HCM	CM3		24	24
95	Cao đẳng Y Tế Cà Mau	CMY		1	1
96	Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Phú Lâm	CPL		14	14
97	Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II	CPS		15	15
98	Cao đẳng Công nghiệp Cao su	CSC		1	1
99	Cao đẳng Tài chính Hải Quan	CTS		12	12
100	Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật TP.HCM	CVN		16	16
101	Cao đẳng Xây dựng số 2	CXS		16	16
102	Cao Đẳng Y Tế Cần Thơ	CYC		7	7
103	Cao Đẳng Y tế Đồng Nai	CYD		6	6
104	Cao đẳng Y tế Tiền Giang	CYV		65	65
105	Cao đẳng Cộng đồng BR-VT	D52		1	1
106	Cao đẳng Cộng đồng Vĩnh Long	D57		18	18
	Tổng cộng		3214	2054	5297